



**Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các
công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2009**

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số

4603000028

ngày 8 tháng 8 năm 2001

Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy phép điều chỉnh
do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Phước Vũ
Ông Trần Ngọc Chu
Ông Phạm Văn Trung
Ông Vũ Văn Bình
Ông Lê Phụng Hào
Ông Phạm Gia Tuấn
Ông Võ Hữu Tuấn
Ông Nguyễn Văn Quý
Ông Vũ Bảo Quốc

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên (đến ngày 14 tháng 2 năm 2009)
Thành viên (từ ngày 15 tháng 2 năm 2009)
Thành viên
Thành viên (đến ngày 3 tháng 10 năm 2009)
Thành viên (từ ngày 4 tháng 10 năm 2009)
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Phước Vũ
Ông Trần Ngọc Chu
Ông Phạm Văn Trung
Ông Hoàng Đức Huy
Ông Vũ Văn Bình

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 15 tháng 4 năm 2009)

Trụ sở đăng ký

9 Đại lộ Thống Nhất
Khu Công nghiệp Sóng Thần II
Huyện Dĩ An
Tỉnh Bình Dương
Việt Nam

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Tổng Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 và kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam.

KPMG Limited

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 09-01-115



Chong Kwang Phay

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2009

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009


| | Mã số | Thuyết minh | 30/9/2009 VNĐ | 30/9/2008 VNĐ |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn | 100 | | 1.208.474.740.581 | 1.120.029.974.959 |
| Tiền | 110 | 3 | 47.653.614.415 | 16.095.354.155 |
| Các khoản phải thu | 130 | | 298.978.339.425 | 174.219.737.489 |
| Phải thu thương mại | 131 | 4 | 166.640.183.049 | 94.025.544.106 |
| Trả trước cho nhà cung cấp | 132 | 5 | 133.695.332.531 | 83.084.471.924 |
| Các khoản phải thu khác | 135 | | 231.899.264 | 218.662.545 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 139 | 6 | (1.589.075.419) | (3.108.941.086) |
| Hàng tồn kho | 140 | 7 | 747.124.150.310 | 883.587.071.270 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 748.874.572.944 | 934.409.717.439 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (1.750.422.634) | (50.822.646.169) |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 114.718.636.431 | 46.127.812.045 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 5.991.033.516 | 11.499.836.777 |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 24.953.819.659 | 18.500.820.676 |
| Thuế phải thu từ Ngân sách Nhà nước | 154 | | 24.435.448 | 23.953.448 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 158 | 8 | 83.749.347.808 | 16.103.201.144 |
| Tài sản dài hạn | 200 | | 1.230.298.431.480 | 1.040.030.223.196 |
| Tài sản cố định | 220 | | 1.158.228.495.053 | 981.876.332.709 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 9 | 755.358.089.492 | 791.639.156.306 |
| Nguyên giá | 222 | | 980.152.984.494 | 919.280.441.122 |
| Khấu hao lũy kế | 223 | | (224.794.895.002) | (127.641.284.816) |
| Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính | 224 | 10 | 12.741.504.032 | - |
| Nguyên giá | 225 | | 13.695.000.000 | - |
| Khấu hao lũy kế | 226 | | (953.495.968) | - |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 11 | 185.962.339.810 | 160.962.435.514 |
| Nguyên giá | 228 | | 191.845.095.283 | 164.823.046.993 |
| Phân bổ lũy kế | 229 | | (5.882.755.473) | (3.860.611.479) |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 12 | 204.166.561.719 | 29.274.740.889 |
| Đầu tư dài hạn | 250 | 13 | 58.414.544.958 | 42.704.360.958 |
| Đầu tư vào công ty liên kết | 252 | | 43.414.544.958 | 27.704.360.958 |
| Đầu tư dài hạn khác | 258 | | 15.000.000.000 | 15.000.000.000 |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 13.655.391.469 | 15.449.529.529 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 14 | 10.779.291.756 | 9.386.416.392 |
| Tài sản thuế hoãn lại | 262 | 30 | 2.476.099.713 | 6.063.113.137 |
| Kí quỹ dài hạn | 268 | | 400.000.000 | - |
| TỔNG TÀI SẢN | 270 | | 2.438.773.172.061 | 2.160.060.198.155 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 (tiếp theo)

| | Mã số | Thuyết minh | 30/9/2009 VNĐ | 30/9/2008 VNĐ |
|----------------------------------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 1.492.292.526.089 | 1.343.670.649.120 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 1.155.085.741.286 | 1.037.256.782.028 |
| Vay ngắn hạn | 311 | 15 | 759.969.415.865 | 805.297.322.000 |
| Phải trả thương mại | 312 | | 274.357.767.275 | 142.845.940.822 |
| Tạm ứng từ khách hàng | 313 | | 12.811.898.657 | 6.939.258.378 |
| Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước | 314 | 16 | 20.117.823.780 | 7.901.646.549 |
| Phải trả nhân viên | 315 | | 12.079.314.134 | 8.370.062.946 |
| Chi phí trích trước | 316 | 17 | 14.387.443.150 | 4.622.982.651 |
| Phải trả khác | 319 | 18 | 61.362.078.425 | 61.279.568.682 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 337.206.784.803 | 306.413.867.092 |
| Vay và nợ dài hạn | 334 | 19 | 335.443.237.703 | 305.082.155.792 |
| Dự phòng trợ cấp thôi việc | 336 | 20 | 1.763.547.100 | 1.331.711.300 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 946.480.645.972 | 816.389.549.035 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | | 946.480.645.972 | 816.389.549.035 |
| Vốn cổ phần | 411 | 21 | 570.385.000.000 | 570.385.000.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 88.222.712.000 | 88.222.712.000 |
| Cổ phiếu ngân quỹ | 414 | 21 | (572.000.000) | (572.000.000) |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | 22 | 21.447.090.156 | 21.447.090.156 |
| Lợi nhuận chưa phân phối | 420 | | 259.845.916.955 | 133.239.647.898 |
| Quỹ khen thưởng và phúc lợi | 431 | 23 | 7.151.926.861 | 3.667.098.981 |
| TỔNG NGUỒN VỐN | 440 | | 2.438.773.172.061 | 2.160.060.198.155 |

Người lập:


 Nguyễn Thị Ngọc Lan
 Kế toán trưởng




Ngày 10 tháng 12 năm 2009

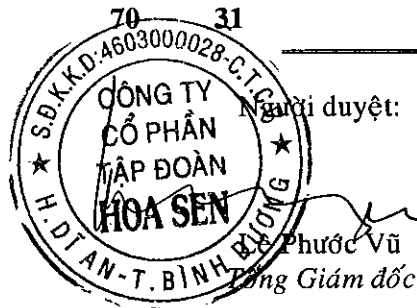
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

| | Mã số | Thuyết minh | Năm kết thúc 30/9/2009 VNĐ | Giai đoạn từ 1/1/2008 đến 30/9/2008 VNĐ |
|---|-----------|-------------|----------------------------------|--|
| Tổng doanh thu | 01 | 24 | 2.836.386.675.588 | 2.059.339.484.828 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 24 | (4.967.409.587) | (4.294.165.040) |
| Doanh thu thuần | 10 | | 2.831.419.266.001 | 2.055.045.319.788 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 25 | (2.276.099.635.609) | (1.553.515.439.407) |
| Lợi nhuận gộp | 20 | | 555.319.630.392 | 501.529.880.381 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 26 | 14.227.334.928 | 6.316.251.344 |
| Chi phí hoạt động tài chính | 22 | 27 | (166.403.032.123) | (115.573.280.485) |
| Chi phí bán hàng | 24 | | (116.342.381.073) | (92.576.417.108) |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | (98.116.034.240) | (83.990.906.390) |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 188.685.517.884 | 215.705.527.742 |
| Kết quả của các hoạt động khác | 40 | | | |
| Thu nhập khác | 31 | 28 | 14.087.152.639 | 12.116.326.542 |
| Chi phí khác | 32 | 29 | (2.383.051.288) | (15.392.907.571) |
| Lợi nhuận trước thuế | 50 | | 200.389.619.235 | 212.428.946.713 |
| Chi phí thuế thu nhập hiện hành | 51 | 30 | (7.351.204.479) | (17.816.097.391) |
| (Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập hoãn lại | 52 | 30 | (3.587.013.424) | 3.758.570.283 |
| Lợi nhuận thuần | 60 | | 189.451.401.332 | 198.371.419.605 |
| Lãi trên cổ phiếu | | | | |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 31 | 3.323 | 3.478 |

Người lập:

Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng




Ngày 10 tháng 12 năm 2009

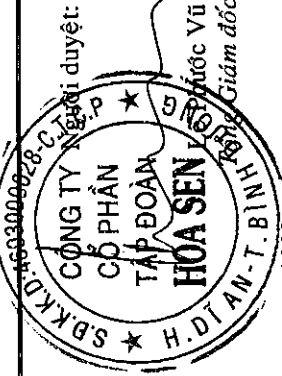
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

| | Vốn cổ phần VNĐ | Thặng dư vốn cổ phần VNĐ | Cổ phiếu ngân quỹ VNĐ | Chênh lệch đánh giá lại tài sản VNĐ | Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ | Quỹ khen thưởng và phúc lợi VNĐ | Tổng VNĐ |
|--|--------------------|--------------------------------|-----------------------------|--|------------------------------------|--|-------------------|
| Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2008 | 570.385.000.000 | 88.222.712.000 | - | 21.447.090.156 | 43.299.943.943 | - | 723.354.746.099 |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | - | - | - | - | 198.371.419.605 | - | 198.371.419.605 |
| Cổ tức | - | - | - | - | (104.635.166.669) | - | (104.635.166.669) |
| Mua lại cổ phiếu quỹ | - | - | (572.000.000) | - | - | - | (572.000.000) |
| Kết chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi | - | - | - | - | (3.796.548.981) | 3.796.548.981 | - |
| Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi | - | - | - | - | - | (129.450.000) | (129.450.000) |
| Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2008 | 570.385.000.000 | 88.222.712.000 | (572.000.000) | 21.447.090.156 | 133.239.647.898 | 3.667.098.981 | 816.389.549.035 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | 189,451,401,332 | - | 189,451,401,332 |
| Cổ tức (Thuyết minh 32) | - | - | - | - | (57.018.500.000) | - | (57.018.500.000) |
| Kết chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi | - | - | - | - | (5.841.632.275) | 5.841.632.275 | - |
| Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi | - | - | - | - | - | (2.356.804.395) | (2.356.804.395) |
| Tiền thu khác | - | - | - | - | 15.000.000 | - | 15.000.000 |
| Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2009 | 570.385.000.000 | 88.222.712.000 | (572.000.000) | 21.447.090.156 | 259,845,916,955 | 7.151.926.861 | 946,480,645,972 |

Người lập:


 Nguyễn Thị Ngọc Lan
 Kế toán trưởng



Ngày 10 tháng 12 năm 2009

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009


| | Mã số | Thuyết minh | Năm kết thúc 30/9/2009 VNĐ | Giai đoạn từ 1/1/2008 đến 30/9/2008 VNĐ |
|--|-----------|----------------|----------------------------------|--|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 200.389.619.235 | 212.428.946.713 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao và phân bổ | 02 | | 111.151.725.882 | 66.300.660.234 |
| Dự phòng | 03 | | (48.910.086.573) | 55.280.487.055 |
| Lỗ/(lợi nhuận) từ hoạt động đầu tư | 04 | | 473.342.868 | (3.060.894.056) |
| Thu nhập lãi tiền gửi | 05 | | (987.618.445) | (340.063.481) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 80.339.426.368 | 79.692.457.142 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | 342.456.409.335 | 410.301.593.607 |
| Thay đổi các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác | 09 | | (156.037.373.618) | 69.620.060.228 |
| Thay đổi hàng tồn kho | 10 | | 185.535.144.495 | (416.323.561.067) |
| Thay đổi các khoản phải trả và nợ khác | 11 | | 143.283.682.881 | 31.338.030.062 |
| Thay đổi chi phí trả trước | 12 | | (2.632.644.762) | (3.620.406.197) |
| | | | 512.605.218.331 | 91.315.716.633 |
| Lãi vay đã trả | 13 | | (80.339.426.368) | (79.692.457.142) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | | (1.680.184.516) | (28.319.616.538) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | | 15.000.000 | - |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | | (2.356.804.395) | (129.450.000) |
| Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động kinh doanh | 20 | | 428.243.803.052 | (16.825.807.047) |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009
 (tiếp theo)

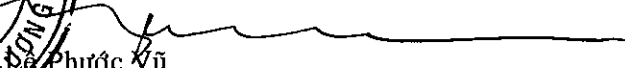
| | Mã số | Thuyết minh | Năm kết thúc 30/9/2009 VNĐ | Giai đoạn từ 1/1/2008 đến 30/9/2008 VNĐ |
|--|-----------|-------------|----------------------------------|--|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (316.296.569.376) | (225.906.378.637) |
| Thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 22 | | 16.877.394.363 | 11.109.756.802 |
| Chi đầu tư vào các đơn vị khác | 25 | | (15.710.184.000) | (16.762.534.000) |
| Thu từ lãi vay và cổ tức | 27 | | 987.618.445 | 340.063.481 |
| Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư | 30 | | (314.141.740.568) | (231.219.092.354) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| Tiền chi cho cổ phiếu trả lại và mua lại cổ phiếu đã phát hành | 32 | | - | (572.000.000) |
| Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được | 33 | | 2.478.207.101.913 | 1.656.922.644.973 |
| Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (2.502.830.068.993) | (1.354.346.266.096) |
| Tiền trả nợ thuê tài chính | 35 | | (1.609.357.144) | - |
| Chi trả cổ tức | 36 | | (56.311.478.000) | (61.387.586.692) |
| Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động tài chính | 40 | | (82.543.802.224) | 240.616.792.185 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 31.558.260.260 | (7.428.107.216) |
| Tiền đầu năm | 60 | | 16.095.354.155 | 23.523.461.371 |
| Tiền cuối năm | 70 | 3 | 47.653.614.415 | 16.095.354.155 |

Người lập:


 Nguyễn Thị Ngọc Lan
 Kế toán trưởng



Người duyệt:


 Phước Vũ
 Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 12 năm 2009

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) và phần vốn của Tập đoàn tại các công ty liên kết. Hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tôn mạ, vật liệu xây dựng bằng nhựa và xây dựng công trình cơ khí, dân dụng và các dự án công nghiệp, dịch vụ vận chuyển, sản xuất thép cán nóng, máy cắt và các thiết bị công nghiệp.

Vốn điều lệ của Công ty theo quy định trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh là 570.385.000.000 VNĐ.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 Tập đoàn có 1.921 nhân viên (2008: 2.026 nhân viên).

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

(i) Cơ sở kế toán chung

Các báo cáo tài chính hợp nhất, được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp thuận phổ biến tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập theo phương pháp dồn tích sử dụng cơ sở giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(ii) Cơ sở của việc hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị được kiểm soát bởi Tập đoàn. Việc kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị để thu lợi nhuận từ các hoạt động của đơn vị đó. Trong quá trình đánh giá mức kiểm soát, quyền bỏ phiếu tiềm năng mà có thể sử dụng trong hiện tại cũng được tính đến. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày chấm dứt kiểm soát.

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009 (tiếp theo)

Các công ty liên kết (các đơn vị hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng chưa đủ quyền kiểm soát, đối với các chính sách hoạt động và tài chính. Các công ty liên kết được hạch toán sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần sở hữu của Tập đoàn trên lợi nhuận và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh để thống nhất với các chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày ảnh hưởng đáng kể bắt đầu đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khi phần lỗ của Tập đoàn vượt quá phần vốn của Tập đoàn tại công ty liên kết, giá trị ghi sổ của phần vốn đó (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn) được ghi giảm xuống không và không tiếp tục ghi nhận thêm lỗ trừ trường hợp các khoản lỗ mà Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hay phải trả thay cho bên nhận đầu tư.

Các giao dịch loại trừ trong hợp nhất

Các số dư nội bộ tập đoàn và bất kỳ khoản lãi hay lỗ phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn bị loại trừ trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ khỏi khoản đầu tư ứng với phần vốn của Tập đoàn trong bên nhận đầu tư.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty là từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 30 tháng 9.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái quy định tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái quy định tại ngày giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá chưa và đã thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(e) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Tập đoàn không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Tập đoàn cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư như được xác định trong trường hợp chưa lập dự phòng.

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009 (tiếp theo)

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa | 5 – 40 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 10 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 4 – 10 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 5 năm |
| ▪ tài sản cố định khác | 3 – 20 năm |

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009
(tiếp theo)**

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá/giá trị định giá trừ đi phân bổ lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất, ngoại trừ quyền sử dụng đất đem góp vốn, bao gồm giá mua quyền sử dụng đất và toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến việc đảm bảo quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất đem góp vốn được phản ánh tại giá trị định giá tại thời điểm góp vốn. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 7 đến 50 năm.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 8 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh nguyên giá của các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn toàn hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho công trình xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ đối với chi phí thành lập và chi phí cho các hoạt động đào tạo, quảng cáo và khuyến mại phát sinh trong giai đoạn từ ngày thành lập đơn vị đến ngày bắt đầu hoạt động thương mại, là ngày bắt đầu sản xuất thử. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, ban đầu được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong ba năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động chính thức.

(ii) Chi phí quảng cáo

Chi phí quảng cáo được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn hợp đồng.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng từ 2 đến 5 năm.

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009 (tiếp theo)

(l) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(m) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy và tương đối chắc chắn rằng Tập đoàn phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo lãi suất trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu thông thường được ghi nhận như một khoản giảm vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009 (tiếp theo)

(ii) Cổ phiếu ngân quỹ

Khi vốn cổ phần được mua lại, thì số tiền phải thanh toán, bao gồm chi phí liên quan trực tiếp, sau thuế, được ghi nhận như một khoản giảm vốn chủ sở hữu. Cổ phần được mua lại được phân loại là cổ phiếu ngân quỹ và được trình bày như khoản một khoản giảm vốn chủ sở hữu.

(p) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm mà các chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích xây dựng tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng được vốn hóa như một phần của nguyên giá của tài sản cố định liên quan.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu (EPS) đối với các cổ phiếu phổ thông của Công ty. EPS được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

(t) Báo cáo bộ phận

Bộ phận là một thành phần có thể phân biệt được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban tổng giám đốc cho rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh vật liệu thép và nhựa xây dựng và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009
(tiếp theo)

(u) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

3. Tiền

| | 30/9/2009 | 30/9/2008 |
|--------------------|------------------|------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 5.660.942.485 | 6.079.991.518 |
| Tiền gửi ngân hàng | 41.990.271.930 | 9.913.956.637 |
| Tiền đang chuyển | 2.400.000 | 101.406.000 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 47.653.614.415 | 16.095.354.155 |
| | <hr/> | <hr/> |

Trong tiền tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 có số tiền bằng ngoại tệ tương đương 1.145.461.297 VND (2008: 7.611.943.344 VND).

4. Phải thu thương mại

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 các khoản phải thu với giá trị ghi sổ 157.192.891.111 VND (2008: 36.280.346.648 VND) được thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

5. Trả trước cho nhà cung cấp

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 bao gồm trong trả trước cho nhà cung cấp có khoản trả trước cho dịch vụ xây dựng là 91.996.477.272 VND (2008: 56.033.209.928 VND).

6. Dự phòng phải thu khó đòi

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm/kỳ như sau:

| | Năm kết thúc | Giai đoạn từ |
|----------------------------|---------------------|---------------------|
| | 30/9/2009 | 1/1/2008 đến |
| | VND | 30/9/2008 |
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm/kỳ | 3.108.941.086 | 743.922.894 |
| Dự phòng tăng trong năm/kỳ | - | 3.108.941.086 |
| Xóa sổ | (1.115.758.029) | - |
| Hoàn nhập | (404.107.638) | (743.922.894) |
| | <hr/> | <hr/> |
| Số dư cuối năm/kỳ | 1.589.075.419 | 3.108.941.086 |
| | <hr/> | <hr/> |

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009
(tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

| | 30/9/2009 VND | 30/9/2008 VND |
|--------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| Hàng mua đang đi đường | 216.883.822.941 | 85.496.988.072 |
| Nguyên vật liệu | 224.722.769.891 | 153.126.767.560 |
| Công cụ và dụng cụ | 80.640.027.924 | 59.534.065.978 |
| Sản phẩm dở dang | 1.778.229.350 | 24.262.477.054 |
| Thành phẩm | 181.335.400.190 | 562.088.392.229 |
| Hàng mua để bán | 43.514.322.648 | 12.123.082.343 |
| Hàng ký gửi | - | 37.777.944.203 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 748.874.572.944 | 934.409.717.439 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (1.750.422.634) | (50.822.646.169) |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 747.124.150.310 | 883.587.071.270 |
| | <hr/> | <hr/> |

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm/kỳ như sau:

| | Năm kết thúc 30/9/2009 VND | Giai đoạn từ 1/1/2008 đến 30/9/2008 VND |
|-------------------|---|--|
| Số dư đầu năm/kỳ | 50.822.646.169 | - |
| Tăng trong năm/kỳ | - | 50.822.646.169 |
| Hoàn nhập | (49.072.223.535) | - |
| | <hr/> | <hr/> |
| Số dư cuối năm/kỳ | 1.750.422.634 | 50.822.646.169 |
| | <hr/> | <hr/> |

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ 615.999.281.150 VNĐ (2008: 760.864.465.874 VNĐ) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong nguyên vật liệu và thành phẩm tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 có 23.383.615.645 VNĐ (2008: 314.769.857.239 VNĐ) hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009
(tiếp theo)

8. Tài sản ngắn hạn khác

| | 30/9/2009 | 30/9/2008 |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VNĐ | VNĐ |
| Ký quỹ ngắn hạn | 81.496.879.827 | 14.654.809.524 |
| Tạm ứng | 1.751.559.061 | 1.319.218.645 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 500.908.920 | 129.172.975 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 83.749.347.808 | 16.103.201.144 |
| | <hr/> | <hr/> |

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009 (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

| Nguyên giá | Nhà cửa VND | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện vận chuyển VND | Thiết bị văn phòng VND | Tài sản cố định khác VND | Tổng VND |
|--|-----------------|-------------------------------|----------------------------------|------------------------------|--------------------------------|------------------|
| Số dư đầu năm | 225.291.714.100 | 649.626.653.756 | 41.034.377.616 | 2.533.392.726 | 794.302.924 | 919.280.441.122 |
| Tăng trong năm | 3.174.605.529 | 34.794.894.711 | 1.356.609.623 | 98.231.569 | 181.000.000 | 39.605.341.432 |
| Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | 14.613.537.712 | 26.591.311.912 | - | - | - | 41.204.849.624 |
| Thanh lý | (35.200.000) | (16.001.451.172) | (3.900.996.512) | - | - | (19.937.647.684) |
| Số dư cuối năm | 243.044.657.341 | 695.011.409.207 | 38.489.990.727 | 2.631.624.295 | 975.302.924 | 980.152.984.494 |
| Khấu hao lũy kế | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 15.984.565.054 | 101.335.161.306 | 9.205.057.403 | 816.139.132 | 300.361.921 | 127.641.284.816 |
| Khấu hao trong năm | 15.845.980.232 | 78.672.963.544 | 4.660.738.130 | 456.805.842 | 148.732.891 | 99.785.220.639 |
| Thanh lý | (12.091.855) | (184.834.815) | (2.434.683.783) | - | - | (2.631.610.453) |
| Số dư cuối năm | 31.818.453.431 | 179.823.290.035 | 11.431.111.750 | 1.272.944.974 | 449.094.812 | 224.794.895.002 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số dư cuối năm | 211.226.203.910 | 515.188.119.172 | 27.058.878.977 | 1.358.679.321 | 526.208.112 | 755.358.089.492 |
| Số dư đầu năm | 209.307.149.046 | 548.291.492.450 | 31.829.320.213 | 1.717.253.594 | 493.941.003 | 791.639.156.306 |

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009
(tiếp theo)

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 815.969.320 VNĐ đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 (2008: 404.152.638 VNĐ), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 465.772.985.048 VNĐ (2008: 465.511.507.130 VNĐ) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Giá trị ghi sổ của một số thiết bị tạm thời không sử dụng trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 là 1.270.038.672 VNĐ (2008: không).

10. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

| | Máy móc và thiết bị VNĐ |
|--------------------------------------|--|
| Nguyên giá | |
| Số dư đầu năm và cuối năm | 13.695.000.000 |
| Khấu hao lũy kế | |
| Khấu hao trong năm và số dư cuối năm | 953.495.968 |
| Giá trị còn lại | |
| Số dư cuối năm | 12.741.504.032 |

Đến cuối giai đoạn thuê, Tập đoàn có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị thuê với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê.

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009
(tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất VNĐ | Phần mềm vi tính VNĐ | Tổng VNĐ |
|------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu năm | 164.227.908.803 | 595.138.190 | 164.823.046.993 |
| Tăng trong năm | 25.924.135.676 | 1.142.612.614 | 27.066.748.290 |
| Xóa sổ | (44.700.000) | - | (44.700.000) |
| Số dư cuối năm | 190.107.344.479 | 1.737.750.804 | 191.845.095.283 |
| Phân bổ lũy kế | | | |
| Số dư đầu năm | 3.601.344.425 | 259.267.054 | 3.860.611.479 |
| Phân bổ trong năm | 1.919.601.974 | 102.542.020 | 2.022.143.994 |
| Số dư cuối năm | 5.520.946.399 | 361.809.074 | 5.882.755.473 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số dư cuối năm | 184.586.398.080 | 1.375.941.730 | 185.962.339.810 |
| Số dư đầu năm | 160.626.564.378 | 335.871.136 | 160.962.435.514 |

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ là 75.123.910.504 VNĐ (2008: 79.350.035.076 VNĐ) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

12. Xây dựng cơ bản dở dang

| | Năm kết thúc 30/9/2009 VNĐ | Giai đoạn từ 1/1/2008 đến 30/9/2008 VNĐ |
|---|---|--|
| Số dư đầu năm/kỳ | 29.274.740.889 | 179.869.253.761 |
| Tăng trong năm/kỳ | 217.738.963.076 | 132.759.740.590 |
| Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình | (41.204.849.624) | (283.354.253.462) |
| Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn | (1.642.292.622) | - |
| Số dư cuối năm/kỳ | 204.166.561.719 | 29.274.740.889 |

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009 (tiếp theo)

13. Đầu tư dài hạn

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

| Công ty | Hoạt động chính | Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh | % sở hữu | Số tiền 30/9/2009 VNĐ | Số tiền 30/9/2008 VNĐ |
|---|--|---|----------|-----------------------------|-----------------------------|
| Công ty liên kết | | | | | |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen - Gemadept | Cung cấp các dịch vụ đại lý vận tải biển | Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4903000262 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 20 tháng 6 năm 2006 và điều chỉnh ngày 5 tháng 4 năm 2008 | 45% | 43.414.544.958 | 27.704.360.958 |
| Đầu tư dài hạn khác | | | | | |
| Quý Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt | Đầu tư vào các dự án và các Công ty Việt Nam niêm yết và chưa niêm yết trong lĩnh vực y tế | 08/TB-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 1 năm 2008 | 3% | 15.000.000.000 | 15.000.000.000 |

Biến động các khoản đầu tư vào công ty liên kết thể hiện phần vốn góp tăng thêm trong năm.

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009
(tiếp theo)

14. Chi phí trả trước dài hạn

| | Chi phí trước hoạt động VNĐ | Chi phí quảng cáo VNĐ | Công cụ và dụng cụ VNĐ | Tổng VNĐ |
|--|--|--------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm | 2.178.632.569 | 842.605.943 | 6.365.177.880 | 9.386.416.392 |
| Tăng trong năm | - | - | 8.141.448.023 | 8.141.448.023 |
| Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | - | - | 1.642.292.622 | 1.642.292.622 |
| Phân bổ trong năm | (1.111.771.188) | (386.522.256) | (6.892.571.837) | (8.390.865.281) |
| Số dư cuối năm | 1.066.861.381 | 456.083.687 | 9.256.346.688 | 10.779.291.756 |

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

(tiếp theo)

15. Vay ngắn hạn

| | 30/9/2009 VNĐ | 30/9/2008 VNĐ |
|---|------------------|------------------|
| Vay ngắn hạn | | |
| Khoản vay 1 từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam | - | 295.123.393.078 |
| Khoản vay 2 từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (a) | 10.000.000.000 | - |
| Khoản vay 3 từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (b) | 169.331.769.100 | - |
| Khoản vay 4 từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (c) | 133.119.838.000 | - |
| Khoản vay 5 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (d) | 192.365.305.600 | 64.020.833.469 |
| Khoản vay 6 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (e) | 33.323.750.000 | 125.958.000.000 |
| Khoản vay 7 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (f) | 9.000.000.000 | 47.000.000.000 |
| Khoản vay 8 từ Ngân hàng Công Thương Việt Nam | - | 20.480.000.000 |
| Khoản vay 9 từ Ngân hàng Công Thương Việt Nam (g) | 26.483.871.700 | - |
| Khoản vay 10 từ Ngân hàng Công Thương Việt Nam (h) | 3.576.686.786 | - |
| Khoản vay 11 từ Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải | - | 36.280.346.648 |
| Khoản vay 12 từ Ngân hàng Far East National Bank (i) | 57.940.948.782 | 83.761.918.835 |
| Khoản vay 13 từ Ngân hàng Far East National Bank (j) | 4.494.047.225 | - |
| Khoản vay 14 từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam | - | 19.400.000.000 |
| Khoản vay 15 từ Ngân hàng Indovina Bank (k) | 47.060.000.000 | - |
| Khoản vay 16 từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (l) | 6.245.000.000 | - |
| Ông Hoàng Đức Dũng | - | 1.500.000.000 |
| Bà Trần Hoàng Trang | - | 5.000.000.000 |
| Bà Võ Thị Hồng Yến | - | 15.000.000.000 |
| Bà Lai Thị Lan | - | 35.000.000.000 |
| | 692.941.217.193 | 748.524.492.030 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 67.028.198.672 | 56.772.829.970 |
| | 759.969.415.865 | 805.297.322.000 |

- a. Khoản vay này được bảo đảm bằng hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 41.428.473.728 VNĐ và tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 5.319.983.572 VNĐ. Trong năm khoản vay này chịu lãi suất từ 6% đến 10% một năm.

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009
(tiếp theo)**

- b. Khoản vay bằng Đô la Mỹ được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản cố định hữu hình và hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 492.823.459.939 VNĐ và tài sản của cổ đông với giá trị là 244.616.200.000 VNĐ. Trong năm khoản vay này chịu lãi suất từ 3% đến 4% một năm.
- c. Khoản vay được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản cố định hữu hình và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 635.424.954.001 VNĐ và tài sản của cổ đông với giá trị là 244.616.200.000 VNĐ. Trong năm khoản vay này chịu lãi suất từ 6% đến 6,5% một năm.
- d. Khoản vay bằng Đô la Mỹ được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 252.555.308.000 VNĐ (2008: 252.555.308.000 VNĐ) và tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 88.899.310.099 VNĐ (2008: 32.879.802.845 VNĐ). Trong năm khoản vay này chịu lãi suất từ 3,3% đến 5,5% (2008: 9% đến 10%) một năm.
- e. Khoản vay được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 252.555.308.000 VNĐ (2008: 252.555.308.000 VNĐ) và tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 88.899.310.099 VNĐ (2008: 32.879.802.845 VNĐ). Trong năm khoản vay này chịu lãi suất từ 6% đến 6,5% (2008: từ 15,6% đến 17,76%) một năm.
- f. Khoản vay được bảo đảm bằng hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 62.500.000.000 VNĐ (2008: 120.143.610.000 VNĐ). Trong năm khoản vay này chịu lãi suất từ 6,5% đến 10,5% (2008 : từ 10,32% đến 21%) một năm.
- g. Khoản vay bằng Đô la Mỹ được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 52.534.494.614 VNĐ. Trong năm khoản vay này chịu lãi suất 3% một năm.
- h. Khoản vay được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 52.534.494.614 VNĐ. Trong năm khoản vay này chịu lãi suất từ 5,2% đến 6,5% một năm.
- i. Khoản vay bằng Đô la Mỹ được bảo đảm bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 670.730.908.552 VNĐ (2008: 759.044.902.513 VNĐ). Trong năm khoản vay này chịu lãi suất là 5% (2008: 7,9% đến 8,5%) một năm.
- j. Khoản vay được bảo đảm bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 860.395.121.680 VNĐ. Trong năm khoản vay này chịu lãi suất từ 6,5% đến 10,5% một năm.
- k. Khoản vay được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 71.247.275.000 VNĐ. Trong năm khoản vay này chịu lãi suất là 6,5% một năm.
- l. Khoản vay được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 11.073.906.308 VNĐ. Trong năm khoản vay này chịu lãi suất 6,5% một năm.

Các tài sản được dùng để đảm bảo cho các khoản vay trên cũng được dùng để đảm bảo cho các khoản vay khác của cùng một ngân hàng.

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009
(tiếp theo)**

16. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

| | 30/9/2009 VNĐ | 30/9/2008 VNĐ |
|----------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 12.752.096.909 | 6.436.965.597 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 6.893.404.114 | 1.222.384.151 |
| Thuế nhập khẩu | 225.995.754 | 28.864.736 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 246.327.003 | 213.432.065 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 20.117.823.780 | 7.901.646.549 |
| | <hr/> | <hr/> |

17. Chi phí trích trước

| | 30/9/2009 VNĐ | 30/9/2008 VNĐ |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Lương tháng 13 | 2.712.961.000 | 1.886.566.398 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 8.546.829.336 | 1.639.578.570 |
| Phí kiểm toán | 604.560.000 | 594.612.000 |
| Chi phí điện | 673.988.932 | 285.823.471 |
| Thù lao Hội đồng quản trị, Ban cố vấn và Ban kiểm soát | - | 59.000.000 |
| Chi phí khác | 1.849.103.882 | 157.402.212 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 14.387.443.150 | 4.622.982.651 |
| | <hr/> | <hr/> |

18. Phải trả khác

| | 30/9/2009 VNĐ | 30/9/2008 VNĐ |
|-----------------|--------------------------|--------------------------|
| Phí công đoàn | 67.154.000 | 49.562.400 |
| Bảo hiểm xã hội | 243.192.600 | 235.740.500 |
| Bảo hiểm y tế | 899.000 | 10.500 |
| Ký quỹ ngắn hạn | 1.752.240.000 | 2.180.700.000 |
| Cổ tức phải trả | 58.875.100.000 | 58.168.078.000 |
| Phải trả khác | 423.492.825 | 645.477.282 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 61.362.078.425 | 61.279.568.682 |
| | <hr/> | <hr/> |

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009
(tiếp theo)

19. Vay dài hạn

| | 30/9/2009 VND | 30/9/2008 VND |
|---|------------------|------------------|
| Vay dài hạn | | |
| Khoản vay 1 từ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (a) | 23.360.000.000 | 33.680.000.000 |
| Khoản vay 2 từ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (b) | 47.574.800.000 | 63.590.450.000 |
| Khoản vay 3 từ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (c) | 9.275.000.000 | 12.755.000.000 |
| Khoản vay 4 từ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (d) | 9.312.000.000 | 12.432.000.000 |
| Khoản vay 5 từ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (e) | 2.944.000.000 | - |
| Khoản vay 6 từ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (f) | 54.494.000.000 | - |
| Khoản vay 7 từ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (g) | 579.930.000 | - |
| Khoản vay 8 từ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (h) | 38.841.516.000 | - |
| Khoản vay 9 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (i) | 5.105.183.824 | 4.855.998.000 |
| Khoản vay 10 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (j) | 2.990.000.000 | - |
| Khoản vay 11 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam | - | 4.160.000.000 |
| Khoản vay 11 từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam | - | 7.763.514.491 |
| Khoản vay 12 từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam (k) | 120.178.863.695 | 130.238.023.271 |
| Khoản vay 13 từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam (l) | 63.760.000.000 | 74.380.000.000 |
| Khoản vay 14 từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam (m) | 14.400.000.000 | 18.000.000.000 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 392.815.293.519 | 361.854.985.762 |
| Nợ thuê tài chính (n) | 9.656.142.856 | - |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 402.471.436.375 | 361.854.985.762 |
| Hoàn trả trong vòng 12 tháng | (67.028.198.672) | (56.772.829.970) |
| | <hr/> | <hr/> |
| Hoàn trả sau 12 tháng | 335.443.237.703 | 305.082.155.792 |
| | <hr/> | <hr/> |

- a. Khoản vay này được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và nhà cửa của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 21.796.256.524 VNĐ (2008: 22.555.336.204 VNĐ) và tài sản của cổ đông với giá trị là 13.049.045.236 VNĐ (2008: 13.049.045.236 VNĐ). Trong năm khoản vay này chịu lãi suất từ 10,5% đến 15% (2008: 12% đến 21%) một năm. Số dư còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 được hoàn trả trong 26 tháng, mỗi tháng trả 860.000.000 VNĐ và kỳ cuối cùng trả 1.000.000.000 VNĐ.

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009 (tiếp theo)

- b. Khoản vay bằng Đô la Mỹ được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 111.469.227.314 VNĐ (2008: 128.625.434.414 VNĐ). Trong năm khoản vay này chịu lãi suất từ 5,7% đến 6,8% (2008: từ 7,35% đến 9,6%) một năm. Số dư còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 được hoàn trả trong 32 tháng, mỗi tháng trả 1.486.712.500 VNĐ.
- c. Khoản vay này được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và nhà cửa của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 26.637.744.322 VNĐ (2008: 27.545.883.253 VNĐ). Trong năm khoản vay này chịu lãi suất từ 10,5% đến 15% (2008: từ 12% đến 21%) một năm. Số dư còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 được hoàn trả trong 31 tháng, mỗi tháng trả 290.000.000 VNĐ và kỳ cuối cùng trả 285.000.000 VNĐ.
- d. Khoản vay này được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 172.480.560.743 VNĐ (2008: 198.479.889.528 VNĐ) và tài sản của cổ đông với giá trị là 244.616.200.000 VNĐ (2008: 257.010.600.000 VNĐ). Trong năm khoản vay này chịu lãi suất từ 6,5% đến 12,6% (2008: từ 12% đến 21%) một năm. Số dư còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 được hoàn trả trong 35 tháng, mỗi tháng trả 260.000.000 VNĐ và kỳ cuối cùng trả 212.000.000 VNĐ.
- e. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản của cổ đông với giá trị là 244.616.200.000 VNĐ. Trong năm khoản vay này chịu lãi suất từ 6,5% đến 10,5% một năm. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 lịch trả khoản vay vẫn chưa được xác định.
- f. Khoản vay này được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản cố định hữu hình và hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 642.890.832.569 VNĐ và tài sản của cổ đông với giá trị là 244.616.200.000 VNĐ. Trong năm khoản vay này chịu lãi suất từ 6,5% đến 10,5% một năm. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 lịch trả khoản vay vẫn chưa được xác định.
- g. Khoản vay bằng Đô la Mỹ này được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản cố định hữu hình và hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 186.153.742.359 VNĐ và tài sản của cổ đông với giá trị là 243.026.200.000 VNĐ. Trong năm khoản vay này chịu lãi suất 5,5% một năm. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 lịch trả khoản vay vẫn chưa được xác định.
- h. Khoản vay được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản cố định hữu hình và hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 642.890.832.569 VNĐ. Trong năm khoản vay này chịu lãi suất từ 6,5% đến 10,5% một năm. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 lịch trả khoản vay vẫn chưa được xác định.
- i. Khoản vay bằng Đô la Mỹ được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 20.411.965.559 VNĐ (2008: 22.799.500.000 VNĐ). Trong năm khoản vay này chịu lãi suất 5,5% (2008: 9,2%) một năm. Số dư còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 được hoàn trả trong 16 quý, mỗi quý trả 319.073.989 VNĐ.
- j. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 20.411.965.559 VNĐ. Trong năm khoản vay này chịu lãi suất 10,5% một năm. Số dư còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 được hoàn trả trong 16 quý, mỗi quý trả 186.875.000 VNĐ.

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

(tiếp theo)

- k. Khoản vay bằng Đô la Mỹ được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 299.969.634.464 VNĐ (2008: 332.749.433.512 VNĐ). Trong năm khoản vay này chịu lãi suất 1,7% (2008: 1,7%) một năm. Số dư còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 được hoàn trả trong 34 quý, mỗi quý trả 3.449.173.000 và kỳ cuối cùng trả 2.906.981.695 VNĐ.
- l. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 18.396.454.160 VNĐ (2008: 21.234.895.040 VNĐ). Trong năm khoản vay này chịu lãi suất 7,8% (2008: 7,8%) một năm. Số dư còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 được hoàn trả trong 71 tháng, mỗi tháng trả 885.000.000 VNĐ và kỳ cuối cùng trả 925.000.000 VNĐ.
- m. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 299.969.634.464 VNĐ (2008: 332.749.533.512 VNĐ). Trong năm khoản vay này chịu lãi suất 8,4% (2008: 8,4%) một năm. Số dư còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 được hoàn trả trong 48 tháng, mỗi tháng trả 300.000.000 VNĐ.
- n. Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê tài chính không được hủy ngang như sau:

| | 30/9/2009 VNĐ | | |
|--------------------|----------------------------|---------------|---------------|
| | Trả tiền thuê tài chính | Trả tiền lãi | Trả nợ gốc |
| Trong vòng một năm | 3.311.755.247 | 897.719.531 | 2.414.035.716 |
| Từ hai đến năm năm | 8.414.423.232 | 1.172.316.092 | 7.242.107.140 |
| | <hr/> | <hr/> | <hr/> |
| | 11.726.178.479 | 2.070.035.623 | 9.656.142.856 |

20. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

| | VNĐ |
|------------------------------|---------------|
| Số dư đầu năm | 1.331.711.300 |
| Trích lập dự phòng trong năm | 566.244.600 |
| Sử dụng dự phòng trong năm | (134.408.800) |
| | <hr/> |
| Số dư cuối năm | 1.763.547.100 |

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009 (tiếp theo)

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã góp của Công ty là:

| | 30/9/2009 | | 30/9/2008 | |
|---|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | Số lượng cổ phiếu | VND | Số lượng cổ phiếu | VND |
| Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành | 57.038.500 | 570.385.000.000 | 57.038.500 | 570.385.000.000 |
| Cổ phiếu ngân quỹ | (20.000) | (572.000.000) | (20.000) | (572.000.000) |
| | <hr/> | | <hr/> | |
| | 57.018.500 | 569.813.000.000 | 57.018.500 | 569.813.000.000 |

Tất cả cổ phiếu thường có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu ứng với 1 quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Cổ đông được nhận cổ tức định kỳ theo thông báo. Tất cả cổ phiếu thường có quyền ngang nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu được Công ty mua lại, tất cả quyền đều bị treo cho đến khi các cổ phiếu đó được tái phát hành.

Biến động vốn cổ phần trong năm/kỳ như sau:

| | Năm kết thúc 30/9/2009 | | Giai đoạn từ 1/1/2008 đến 30/9/2008 | |
|---------------------------------------|------------------------|-----------------|--|-----------------|
| | Số cổ phiếu | VND | Số cổ phiếu | VND |
| Số dư đầu năm/kỳ | 57.018.500 | 569.813.000.000 | 57.038.500 | 570.385.000.000 |
| Mua cổ phiếu ngân quỹ trong năm/kỳ | - | - | (20.000) | (572.000.000) |
| Số dư cuối năm/kỳ | <hr/> | | <hr/> | |
| | 57.018.500 | 569.813.000.000 | 57.018.500 | 569.813.000.000 |

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009
 (tiếp theo)

22. Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Khoản này thể hiện khoản đánh giá lại quyền sử dụng đất trước khi quyền sử dụng đất được dùng như một khoản vốn góp vào Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen, một công ty con.

23. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được lập riêng từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ này được dùng để trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn.

24. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

| | Năm kết thúc 30/9/2009 VND | Giai đoạn từ 1/1/2008 đến 30/9/2008 VND |
|-------------------------------------|---|--|
| Tổng doanh thu | | |
| ▪ Thành phẩm đã bán | 2.575.550.229.312 | 1.814.587.513.562 |
| ▪ Hàng hóa đã bán | 260.106.765.803 | 244.751.971.266 |
| ▪ Dịch vụ | 729.680.473 | - |
| | <hr/> 2.836.386.675.588 | <hr/> 2.059.339.484.828 |
| Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu | | |
| ▪ Chiết khấu thương mại | (95.793.360) | (76.447.197) |
| ▪ Hàng bán bị trả lại | (4.392.659.879) | (4.136.884.488) |
| ▪ Giảm giá hàng bán | (478.956.348) | (80.833.355) |
| | <hr/> (4.967.409.587) | <hr/> (4.294.165.040) |
| Doanh thu thuần | <hr/> 2.831.419.266.001 | <hr/> 2.055.045.319.788 |

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009
(tiếp theo)

25. Giá vốn hàng bán

| | Năm kết thúc 30/9/2009 VND | Giai đoạn từ 1/1/2008 đến 30/9/2008 VND |
|-----------------------|---|--|
| Thành phẩm đã bán | 2.130.064.029.466 | 1.334.289.211.605 |
| Hàng hóa đã bán | 195.107.829.678 | 168.403.581.633 |
| Dự phòng hàng tồn kho | (49.072.223.535) | 50.822.646.169 |
| | 2.276.099.635.609 | 1.553.515.439.407 |

26. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm kết thúc 30/9/2009 VND | Giai đoạn từ 1/1/2008 đến 30/9/2008 VND |
|--------------------------------|---|--|
| Thu nhập tiền lãi từ ngân hàng | 987.618.445 | 340.063.481 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 13.239.716.483 | 5.765.296.917 |
| Thu nhập khác | - | 210.890.946 |
| | 14.227.334.928 | 6.316.251.344 |

27. Chi phí hoạt động tài chính

| | Năm kết thúc 30/9/2009 VND | Giai đoạn từ 1/1/2008 đến 30/9/2008 VND |
|--|---|--|
| Chi phí lãi vay phải trả cho các ngân hàng | 80.339.426.368 | 79.692.457.142 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 86.063.605.755 | 35.880.823.343 |
| | 166.403.032.123 | 115.573.280.485 |

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009
(tiếp theo)

28. Thu nhập khác

| | Năm kết thúc 30/9/2009 VNĐ | Giai đoạn từ 1/1/2008 đến 30/9/2008 VNĐ |
|---|---|--|
| Bán phế liệu | 7.367.363.876 | 3.319.489.849 |
| Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình và vô hình | 579.130.131 | 4.374.364.713 |
| Thu từ kiểm kê hàng tồn kho | 2.304.793.492 | 2.522.658.366 |
| Thu nhập khác | 3.835.865.140 | 1.899.813.614 |
| | 14.087.152.639 | 12.116.326.542 |

29. Chi phí khác

| | Năm kết thúc 30/9/2009 VNĐ | Giai đoạn từ 1/1/2008 đến 30/9/2008 VNĐ |
|--|---|--|
| Lỗ từ thanh lý tài sản cố định hữu hình và vô hình | 1.052.472.999 | 1.313.470.657 |
| Chi phí tài trợ và từ thiện | - | 3.631.552.246 |
| Chi phí lãi vay | - | 126.000.000 |
| Chi phí điện | - | 1.262.984.500 |
| Thưởng | - | 1.733.908.000 |
| Chi phí cho phúc lợi | - | 385.690.108 |
| Thù lao Hội đồng quản trị, Ban cố vấn và Ban kiểm soát | - | 234.000.000 |
| Chi phí khác | 1.330.578.289 | 6.705.302.060 |
| | 2.383.051.288 | 15.392.907.571 |

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009
(tiếp theo)

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

| | Năm kết thúc 30/9/2009 VND | Giai đoạn từ 1/1/2008 đến 30/9/2008 VND |
|--|----------------------------------|--|
| Chi phí thuế hiện hành | | |
| Năm hiện tại | 7.351.204.479 | 16.887.313.122 |
| Dự phòng thiếu trong năm trước | - | 928.784.269 |
| | 7.351.204.479 | 17.816.097.391 |
| Chi phí/(lợi ích) thuế hoãn lại | | |
| Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời | 3.587.013.424 | (3.758.570.283) |
| | 10.938.217.903 | 14.057.527.108 |

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | Năm kết thúc 30/9/2009 VND | Giai đoạn từ 1/1/2008 đến 30/9/2008 VND |
|--|----------------------------------|--|
| Lợi nhuận trước thuế | 200.389.619.235 | 212.428.946.713 |
| Thuế theo thuế suất thuế TNDN của Công ty | 30.058.442.884 | 31.864.342.007 |
| Chi phí không được khấu trừ thuế | 638.761.501 | 2.160.019.431 |
| Lỗi tính thuế đã sử dụng | - | (3.179.817.215) |
| Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận ở công ty con | 222.945.008 | 983.686.693 |
| Ảnh hưởng của chênh lệch tạm thời không được ghi nhận trước đây đối với ảnh hưởng của thuế hoãn lại được ghi nhận hiện tại | - | (111.588.434) |
| Ảnh hưởng của giảm thuế (ưu đãi thuế) | (10.373.791.358) | (21.410.941.107) |
| Ảnh hưởng của thuế suất cao hơn ở công ty con | 215.904.135 | 1.537.728.971 |
| Tính lại thuế thu nhập hoãn lại năm trước | - | 1.285.312.493 |
| Ảnh hưởng của miễn thuế ở công ty con | (9.824.044.268) | - |
| Dự phòng thiếu trong năm trước | - | 928.784.269 |
| | 10.938.217.903 | 14.057.527.108 |

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009
(tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với công ty con bởi vì không chắc chắn rằng công ty con sẽ có lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó để đối trừ.

(c) Tài sản thuế hoãn lại

Tài sản thuế hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

| | 30/9/2009 | 30/9/2008 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận chưa thực hiện từ việc bán hàng nội bộ | 1.220.148.747 | 2.183.928.064 |
| Dự phòng | 274.761.898 | 3.395.435.576 |
| Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 815.800.061 | 456.355.886 |
| Doanh thu chưa thực hiện | 165.389.007 | - |
| Khác | - | 27.393.611 |
| | 2.476.099.713 | 6.063.113.137 |

(d) Thuế suất áp dụng

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Theo quy định trong Giấy phép Chứng nhận Ưu đãi Đầu tư số 108/CN-UB do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 29 tháng 10 năm 2001, Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế cho tới năm 2013 và 25% kể từ năm 2014. Tuy nhiên, các điều khoản trong Giấy chứng nhận Ưu đãi Đầu tư cũng cho phép Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2004) và được giảm 50% thuế suất thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo.

Hoạt động thương mại chịu thuế suất thu nhập 25% và không được miễn thuế thu nhập.

Công ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen

Theo các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư, Công ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ năm hoạt động đầu tiên và 28% cho các năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư cũng cho phép Công ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen miễn thuế thu nhập trong ba năm kể từ năm có lợi nhuận chịu thuế (2007) và giảm 50% thuế thu nhập trong bảy năm tiếp theo.

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009
(tiếp theo)

Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen

Theo quy định trong Giấy phép đầu tư, Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong vòng 12 năm kể từ năm hoạt động đầu tiên và 25% cho những năm tiếp theo. Tuy nhiên, các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư cũng cho phép Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen miễn thuế thu nhập trong ba năm kể từ năm có lợi nhuận chịu thuế đầu tiên (2007) và được giảm 50% thuế suất thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo.

Các hoạt động kinh doanh khác chịu thuế suất 25% và không được miễn thuế thu nhập.

Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen

Theo quy định trong Giấy phép Kinh doanh, Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cho Nhà nước bằng 25% lợi nhuận chịu thuế.

31. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 được dựa trên số lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

| | Năm kết thúc 30/9/2009 VNĐ | Giai đoạn từ 1/1/2008 đến 30/9/2008 VNĐ |
|---|----------------------------------|--|
| Lợi nhuận thuần thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 189.451.401.332 | 198.371.419.605 |

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông

| | Năm kết thúc 30/9/2009 VNĐ | Giai đoạn từ 1/1/2008 đến 30/9/2008 VNĐ |
|---|----------------------------------|--|
| Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm/kỳ | 57.018.500 | 57.038.500 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu ngân quỹ trong năm/kỳ | - | (6.011) |
| Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 | 57.018.500 | 57.032.489 |

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2009, Tập đoàn không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009
(tiếp theo)

32. Cổ tức

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008 của Công ty vào ngày 14 tháng 2 năm 2009 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 57.018 triệu VNĐ (10% trên giá trị cổ phiếu lưu hành vào ngày 20 tháng 10 năm 2008, ngày chốt danh sách cổ đông).

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Xác định các bên liên quan

Tập đoàn có mối quan hệ giữa các bên liên quan với các cổ đông, các thành viên hội đồng quản trị và các cán bộ điều hành.

| Công ty con | Hoạt động chính | Giấy phép đầu tư | % sở hữu |
|--|---|--|-----------------|
| Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen | Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội | Giấy phép Kinh doanh số 4603000282 4604000225 và do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần lượt vào ngày 9 tháng 11 năm 2006 và 24 tháng 12 năm 2007 | 100% |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen | Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép | Giấy phép kinh doanh số 4903000343 và 4904000228 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần lượt vào ngày 26 tháng 3 năm 2007 và 18 tháng 12 năm 2007 | 100% |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen (trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí và Xây dựng Hoa Sen | Xây dựng công trình cơ khí và dân dụng và các dự án công nghiệp, cung cấp dịch vụ vận tải, sản xuất và gia công máy xay, máy cắt và các máy móc công nghiệp | Giấy phép Kinh doanh số 4603000325, 4604000224 và 3700785528 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần lượt vào ngày 26 tháng 3 năm 2007, 24 tháng 12 năm 2007 và 18 tháng 3 năm 2009 | 100% |



Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009
(tiếp theo)

Các giao dịch với nhân sự quản lý chủ chốt và các cổ đông:

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Tính chất giao dịch | Năm kết thúc 30/9/2009 VNĐ | Giai đoạn từ 1/1/2008 đến 30/9/2008 VNĐ |
|--|--------------------------------|--|---|--|
| Lê Phước Vũ | Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc | Trả trước mua quyền sử dụng đất | - | 9.000.000.000 |
| Hoàng Đức Huy | Phó Tổng Giám đốc | Trả trước mua quyền sử dụng đất | 21.353.612.000 | 39.367.390.000 |
| Lai Thị Lan | Cổ đông | Cho Tập đoàn vay | - | 35.000.000.000 |
| Trần Hoàng Trang | Cổ đông | Cho Tập đoàn vay | - | 5.000.000.000 |
| Võ Thị Hồng Yến | Cổ đông | Cho Tập đoàn vay | - | 15.000.000.000 |
| Hoàng Đức Dũng | Cổ đông | Cho Tập đoàn vay | - | 1.500.000.000 |
| Hội đồng quản trị, ban cố vấn và ban kiểm soát | | Thù lao hội đồng quản trị, ban cố vấn và ban kiểm soát | 708.000.000 | 353.000.000 |
| Ban Tổng Giám đốc | | Lương cho Ban Tổng Giám đốc | 1.921.600.000 | 2.533.367.000 |

34. Các cam kết

(a) Đầu tư mua sắm tài sản

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 Tập đoàn có các cam kết đầu tư mua sắm tài sản đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trên bảng cân đối kế toán như sau:

| | 30/9/2009 VNĐ | 30/9/2008 VNĐ |
|-----------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Được duyệt nhưng chưa ký hợp đồng | 322.049.155.252 | 2.351.652.649.609 |
| Đã duyệt và đã ký hợp đồng | 3.288.239.333.712 | 4.337.006.824 |
| | 3.610.288.488.964 | 2.355.989.656.433 |

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009
(tiếp theo)

(b) Thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

| | 30/9/2009 VND | 30/9/2008 VND |
|--------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| Trong vòng một năm | 8.982.904.746 | 5.391.452.909 |
| Từ hai đến năm năm | 34.094.791.329 | 38.628.800.944 |
| Trên năm năm | 215.712.935.153 | 211.883.716.943 |
| | 258.790.631.228 | 255.903.970.796 |

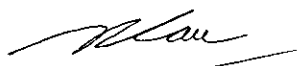
35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

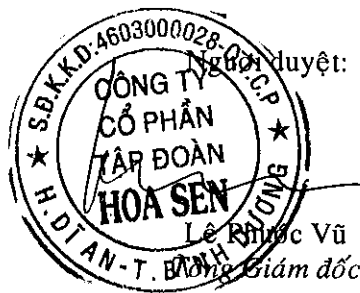
| | Năm kết thúc 30/9/2009 VND | Giai đoạn từ 1/1/2008 đến 30/9/2008 VND |
|--|---|--|
| Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất | 3.348.028.087.500 | 2.896.219.437.275 |
| Chi phí nhân công và nhân viên | 98.742.282.815 | 80.434.522.152 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 111.151.725.882 | 66.300.660.234 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 150.300.723.830 | 99.874.779.874 |
| Các chi phí khác | 36.563.905.153 | 93.291.221.034 |

36. Số liệu so sánh

Các số dư so sánh kỳ trước là cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008. Các số dư so sánh của các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và một vài thuyết minh là không so sánh được.

Người lập:


 Nguyễn Thị Ngọc Lan
 Kế toán trưởng



Ngày 10 tháng 12 năm 2009

